

Số: 57/2015/TT-BTC

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2015

THÔNG TƯ

Hướng dẫn bàn giao, tiếp nhận, xử lý các khoản nợ và tài sản loại trừ khi sắp xếp, chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định số 128/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ về bán, giao và chuyển giao doanh nghiệp 100% vốn nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/07/2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Nghị định số 206/2013/NĐ-CP ngày 9/12/2013 của Chính phủ về quản lý nợ của doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn bàn giao, tiếp nhận, xử lý các khoản nợ và tài sản loại trừ khi sắp xếp, chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ,

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn trình tự, thủ tục bàn giao, tiếp nhận, xử lý nợ và tài sản loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp khi thực hiện sắp xếp,

chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc theo chỉ định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn Mua bán nợ Việt Nam được chuyển đổi từ Công ty Mua bán nợ và Tài sản tồn đọng của doanh nghiệp theo Quyết định số 1494/QĐ-BTC ngày 30/6/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (sau đây gọi tắt là Công ty Mua bán nợ);

2. Các doanh nghiệp thực hiện sắp xếp, chuyển đổi sở hữu, có nợ phải thu và tài sản loại trừ khi xác định giá trị doanh nghiệp thuộc diện bàn giao cho Công ty Mua bán nợ theo quy định, gồm:

a) Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ là công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, công ty mẹ trong mô hình công ty mẹ - công ty con (kể cả ngân hàng thương mại nhà nước);

b) Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ là doanh nghiệp độc lập thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi tắt là Bộ quản lý ngành), Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh);

c) Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước chưa chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

3. Các Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại các doanh nghiệp nêu tại khoản 2 Điều này (sau đây gọi tắt là đại diện chủ sở hữu).

4. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc bàn giao, tiếp nhận, xử lý nợ và tài sản loại trừ.

5. Các doanh nghiệp, tổ chức đang giữ hộ nợ, tài sản loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp khi chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp 100% vốn nhà nước theo quy định của pháp luật.

6. Các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do công ty mẹ Tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, công ty mẹ trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con sở hữu 100% vốn điều lệ vận dụng quy định về nguyên tắc, trình tự, thủ tục bàn giao, tiếp nhận tại Thông tư này để thực hiện bàn giao nợ và tài sản loại trừ khi xác định giá trị doanh nghiệp để sắp xếp, chuyển đổi.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. “Nợ và tài sản loại trừ” là các khoản nợ và tài sản không tính vào giá trị doanh nghiệp sắp xếp, chuyển đổi sở hữu, được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trong quyết định giá trị doanh nghiệp và thuộc đối tượng bàn giao về Công ty Mua bán nợ theo quy định về sắp xếp, chuyển đổi doanh nghiệp do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ.

2. “Khách nợ” là các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ trả nợ.

3. “Doanh nghiệp đã chính thức chuyển đổi” là doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu để chính thức hoạt động theo mô hình mới sau khi thực hiện sắp xếp, chuyển đổi sở hữu.

4. “Nợ không có khả năng thu hồi” là các khoản nợ phải thu quá thời hạn thanh toán hoặc chưa đến thời hạn thanh toán theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 206/2013/NĐ-CP.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục I

BÀN GIAO, TIẾP NIẬN NỢ VÀ TÀI SẢN

Điều 4. Nguyên tắc bàn giao, tiếp nhận nợ và tài sản

1. Các khoản nợ và tài sản bàn giao, tiếp nhận phải đảm bảo có đầy đủ hồ sơ, có hiện vật (đối với tài sản). Trường hợp nợ và tài sản không có đủ hồ sơ, không còn hiện vật thì Công ty Mua bán nợ có văn bản thông báo gửi đại diện chủ sở hữu và doanh nghiệp biết lý do không tiếp nhận để doanh nghiệp tiếp tục quản lý, theo dõi hoặc xử lý theo quy định hiện hành về sắp xếp, chuyển đổi doanh nghiệp.

2. Việc bàn giao, tiếp nhận nợ và tài sản loại trừ được thực hiện căn cứ vào quyết định công bố giá trị doanh nghiệp của cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật về sắp xếp, chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền quyết định công bố điều chỉnh giá trị doanh nghiệp:

a) Nếu doanh nghiệp chưa ký Biên bản giao nhận nợ và tài sản loại trừ với Công ty Mua bán nợ thì thực hiện bàn giao nợ và tài sản loại trừ theo quyết định công bố điều chỉnh giá trị doanh nghiệp.

b) Nếu doanh nghiệp đã ký Biên bản giao nhận nợ và tài sản loại trừ với Công ty Mua bán nợ theo quyết định công bố giá trị doanh nghiệp, cơ quan có thẩm quyền quyết định công bố giá trị doanh nghiệp có văn bản đề nghị Công ty Mua bán nợ thông báo hiện trạng của các khoản nợ và tài sản đã tiếp nhận theo Biên bản giao nhận theo tiêu chí: đã xử lý, thu hồi và chưa xử lý, thu hồi trước khi công bố quyết định điều chỉnh giá trị doanh nghiệp. Trường hợp các khoản nợ và tài sản đã được Công ty Mua bán nợ xử lý, thu hồi thì không điều chỉnh lại tương ứng tại quyết định công bố điều chỉnh giá trị doanh nghiệp. Trường hợp các khoản nợ và tài sản chưa được xử lý, thu hồi thì thực hiện điều chỉnh lại Biên bản giao nhận theo quyết định công bố điều chỉnh giá trị doanh nghiệp.

3. Khi bàn giao, tiếp nhận nợ và tài sản, đại diện chủ sở hữu, Công ty Mua bán nợ và doanh nghiệp phải lập Biên bản giao nhận, có chữ ký xác nhận của các bên có liên quan. Đại diện chủ sở hữu có thể ủy quyền (bằng văn bản) cho doanh nghiệp có nợ và tài sản loại trừ để thực hiện bàn giao cho Công ty Mua bán nợ.

4. Công ty Mua bán nợ kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ của chủ nợ, chủ tài sản theo quy định kể từ ngày ký Biên bản giao nhận. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ký Biên bản giao nhận, doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo với khách nợ về việc chuyển giao quyền chủ nợ cho Công ty Mua bán nợ.

5. Đối với các khoản nợ và tài sản tiếp nhận theo chỉ định của Thủ tướng Chính phủ (nếu có), Công ty Mua bán nợ, đại diện chủ sở hữu và doanh nghiệp thực hiện bàn giao, tiếp nhận, xử lý nợ, tài sản như đối với nợ, tài sản loại trừ khỏi giá trị doanh nghiệp sắp xếp, chuyển đổi sở hữu, đảm bảo phù hợp với ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Trường hợp có khó khăn, vướng mắc, Công ty Mua bán nợ báo cáo Bộ Tài chính xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định.

6. Doanh nghiệp thực hiện xử lý tài chính đối với nợ và tài sản loại trừ theo quy định của pháp luật đối với từng hình thức sắp xếp, chuyển đổi sở hữu.

Điều 5. Nội dung bàn giao, tiếp nhận nợ và tài sản

1. Nợ và tài sản bàn giao, tiếp nhận là các khoản nợ, tài sản loại trừ khỏi giá trị doanh nghiệp sắp xếp, chuyển đổi sở hữu chưa được xử lý tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp của cơ quan có thẩm quyền theo quy định (bao gồm cả các khoản nợ khó đòi đã được doanh nghiệp xử lý bằng

nguồn dự phòng trong vòng 5 năm liền kề trước khi cổ phần hóa) kèm theo đầy đủ hồ sơ, các tài liệu liên quan, trong đó:

a) Đối với nợ bàn giao: doanh nghiệp thực hiện phân loại các khoản nợ phải thu theo tiêu thức khách nợ còn tồn tại và không còn tồn tại kèm theo danh mục các khoản nợ và hồ sơ có liên quan (bao gồm cả thông tin về hiện trạng từng khách nợ).

b) Đối với tài sản bàn giao: doanh nghiệp tiến hành phân loại tài sản (kèm theo đầy đủ hồ sơ liên quan, có miêu tả tình trạng tài sản) theo các tiêu thức sau:

- Tài sản có giá trị thu hồi, có thể khai thác sử dụng hoặc có thể bán được.

- Tài sản không có giá trị thu hồi, không bán được, cần phá dỡ, hủy bỏ.

2. Đối với các khoản nợ loại trừ doanh nghiệp thu hồi được trước khi thực hiện bàn giao, doanh nghiệp có trách nhiệm nộp về Công ty Mua bán nợ sau khi trừ đi chi phí được hưởng theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.

3. Đối với các tài sản loại trừ, trước khi thực hiện bàn giao cho Công ty Mua bán nợ, doanh nghiệp không được tự xử lý khi chưa có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền quyết định giá trị doanh nghiệp và Công ty Mua bán nợ. Trường hợp doanh nghiệp tự xử lý tài sản khi chưa được chấp thuận, đại diện chủ sở hữu chỉ đạo doanh nghiệp làm rõ trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan để xử lý theo quy định, đồng thời thông báo cho Công ty Mua bán nợ. Doanh nghiệp có trách nhiệm nộp về Công ty Mua bán nợ toàn bộ số tiền thu hồi được từ việc xử lý tài sản và không được trừ chi phí xử lý tài sản.

Điều 6. Trình tự, thủ tục bàn giao, tiếp nhận

1. Trong thời gian tối đa 15 ngày kể từ ngày có quyết định công bố giá trị doanh nghiệp, doanh nghiệp có trách nhiệm phân loại nợ, tài sản loại trừ theo quy định tại Thông tư này và các hồ sơ có liên quan, đồng thời thông báo bằng văn bản đề nghị Công ty Mua bán nợ (đồng gửi đại diện chủ sở hữu) phối hợp, tiến hành các thủ tục giao nhận.

Đối với các doanh nghiệp đã có quyết định công bố giá trị doanh nghiệp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành nhưng chưa thực hiện bàn giao thì trong thời gian 15 ngày kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, doanh nghiệp thông báo bằng văn bản đề nghị Công ty Mua bán nợ (đồng gửi đại diện chủ sở hữu) phối hợp, tiến hành các thủ tục tiếp nhận theo quy định tại Thông tư này.

2. Căn cứ quyết định công bố giá trị doanh nghiệp của cơ quan có thẩm quyền và hồ sơ các khoản nợ, tài sản bàn giao, các bên lập Biên bản giao nhận theo mẫu tại phụ lục kèm theo Thông tư này.

3. Công ty Mua bán nợ phối hợp với cơ quan có thẩm quyền quyết định giá trị doanh nghiệp và doanh nghiệp để hoàn tất các thủ tục bàn giao, tiếp nhận trong thời gian tối đa 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của doanh nghiệp.

Mục II **XỬ LÝ NỢ VÀ TÀI SẢN TIẾP NHẬN**

Điều 7. Xử lý nợ và tài sản tiếp nhận

1. Công ty Mua bán nợ thực hiện các hình thức xử lý nợ và tài sản tiếp nhận theo quy định tại Điều lệ và Quy chế quản lý tài chính của Công ty, đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch và phù hợp với các quy định hiện hành đối với từng hình thức xử lý nợ và tài sản. Đối với tài sản là quyền sử dụng đất thì việc xử lý phải đảm bảo theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Đối với tài sản (bao gồm cả tài sản đảm bảo khoản nợ) có giá trị còn lại trên sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng trở lên, Công ty Mua bán nợ thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá xác định giá để tổ chức bán tài sản theo phương thức đấu giá theo quy định.

3. Đối với tài sản (bao gồm cả tài sản đảm bảo khoản nợ) có giá trị còn lại trên sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng, Công ty Mua bán nợ quyết định lựa chọn bán theo phương thức đấu giá hoặc thỏa thuận theo giá không thấp hơn giá thị trường. Trường hợp tài sản không có giao dịch trên thị trường thì Công ty Mua bán nợ tự định giá hoặc thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá xác định giá để làm cơ sở bán tài sản.

4. Đối với lô tài sản của 01 doanh nghiệp tại 01 địa chỉ:

a) Đối với lô tài sản không bao gồm các tài sản có giá trị còn lại theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng trở lên, Công ty Mua bán nợ quyết định lựa chọn bán theo phương thức đấu giá hoặc thỏa thuận theo giá không thấp hơn giá thị trường. Trường hợp có tài sản trong lô không có giao dịch trên thị trường thì Công ty Mua bán nợ tự định giá hoặc thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá xác định giá để làm cơ sở bán tài sản.

b) Đối với lô tài sản trong đó có tài sản có giá trị còn lại theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng trở lên, Công ty Mua bán nợ thuê tổ chức định giá có chức năng thẩm định giá để thẩm định giá và thực hiện như sau:

- Trường hợp tổng giá trị theo kết quả thẩm định giá của lô tài sản từ 100 triệu đồng trở lên, Công ty Mua bán nợ thực hiện bán đấu giá theo quy định.

- Trường hợp tổng giá trị theo kết quả thẩm định giá của lô tài sản dưới 100 triệu đồng, Công ty Mua bán nợ quyết định lựa chọn hình thức bán đấu giá hoặc bán thỏa thuận.

5. Giá khởi điểm để bán đấu giá hoặc bán thỏa thuận được xác định không thấp hơn giá thị trường hoặc giá tự thẩm định (trong trường hợp Công ty Mua bán nợ tự định giá) hoặc giá do tổ chức có chức năng thẩm định giá xác định (trong trường hợp thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá).

Trường hợp bán theo phương thức thỏa thuận mà có từ 2 người mua (là tổ chức, cá nhân) trở lên và trả mức giá bằng nhau thì thực hiện chào bán cạnh tranh theo hình thức bỏ phiếu kín với giá khởi điểm là mức giá trả bằng nhau và người mua trả mức giá cao nhất là người được mua lô tài sản.

6. Một số trường hợp xử lý tài sản:

a) Trường hợp bán đấu giá tài sản không thành công (không có người đăng ký mua hoặc không có người trúng đấu giá hoặc người mua trúng đấu giá nhưng không nộp tiền) thì Công ty Mua bán nợ điều chỉnh giá khởi điểm theo quy định để tiếp tục bán đấu giá. Trường hợp có tổ chức, cá nhân đăng ký mua thỏa thuận bằng giá khởi điểm của cuộc đấu giá không thành công gần nhất thì Công ty Mua bán nợ quyết định bán thỏa thuận.

b) Trường hợp đưa tài sản tiếp nhận vào khai thác bằng hình thức cho thuê, Công ty Mua bán nợ thực hiện xử lý như đối với trường hợp tài sản đưa vào góp vốn cổ phần, góp vốn liên doanh, liên kết theo quy định tại Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

c) Đối với tài sản không có giá trị thu hồi, tài sản cần phải hủy bỏ, tháo dỡ, Công ty Mua bán nợ phối hợp với doanh nghiệp tổ chức hủy bỏ, tháo dỡ hoặc thuê tổ chức bên ngoài thực hiện hủy bỏ, tháo dỡ.

7. Đối với khoản nợ không có khả năng thu hồi đã được Công ty Mua bán nợ theo dõi ngoài bảng cân đối kế toán trên 10 (mười) năm (bao gồm cả thời gian doanh nghiệp theo dõi ngoài bảng trước khi chuyển giao cho Công ty Mua bán nợ nếu có), Công ty Mua bán nợ tập hợp hồ sơ, báo cáo Bộ Tài chính xem xét, quyết định loại trừ, không tiếp tục theo dõi trên sổ sách.

Điều 8. Xử lý tài sản mất mát, thiếu hụt trong quá trình giữ hộ

1. Đối với tài sản mất mát, thiếu hụt do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng như: thiên tai, địch họa và các nguyên nhân bất khả kháng khác,

có xác nhận của đại diện chủ sở hữu gửi Công ty Mua bán nợ (đối với doanh nghiệp chưa chính thức chuyển đổi) hoặc chính quyền địa phương tại nơi xảy ra mất mát, thiếu hụt tài sản (đối với doanh nghiệp đã chính thức chuyển đổi) thì doanh nghiệp giữ hộ tài sản không phải bồi thường. Công ty Mua bán nợ thực hiện loại trừ khỏi danh mục tài sản tiếp nhận tương ứng với số tài sản mất mát, thiếu hụt

2. Đối với tài sản mất mát, thiếu hụt do nguyên nhân chủ quan, doanh nghiệp phải làm rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan để xử lý bồi thường theo giá thị trường trên cơ sở giá xác định của tổ chức có chức năng thẩm định giá đối với tài sản tương tự (cùng chủng loại, cùng công suất). Trường hợp tại thời điểm xử lý bồi thường không có tài sản tương tự thì bồi thường theo giá trị sổ sách của tài sản. Trong thời gian 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được tiền bồi thường, doanh nghiệp có trách nhiệm nộp toàn bộ số tiền bồi thường cho Công ty Mua bán nợ để quản lý theo quy định tại Thông tư này.

Trường hợp tài sản thiếu hụt là nhà cửa vật kiến trúc do doanh nghiệp tự tháo dỡ, phá hủy, Công ty Mua bán nợ phối hợp với đại diện chủ sở hữu và doanh nghiệp điều chỉnh giảm danh mục tài sản tương ứng tại Biên bản giao nhận, đồng thời doanh nghiệp có trách nhiệm nộp về Công ty Mua bán nợ toàn bộ số tiền thu được từ thanh lý tài sản do tháo dỡ, phá hủy (nếu có).

Mục III **QUẢN LÝ TIỀN THU** **TỪ THU HỒI, XỬ LÝ NỢ VÀ TÀI SẢN**

Điều 9. Sử dụng tiền thu từ thu hồi, xử lý nợ và tài sản

Công ty Mua bán nợ thực hiện quản lý tiền thu từ thu hồi, xử lý nợ và tài sản tiếp nhận theo quy định tại Điều lệ, Quy chế tài chính của Công ty và quy định sau:

1. Trích 30% số tiền từ thu hồi nợ, bán tài sản đã tiếp nhận để lại cho Công ty Mua bán nợ sử dụng nhằm bù đắp các chi phí phát sinh có liên quan như: sửa chữa, nâng cấp tài sản (nếu có), tiếp nhận, tổ chức thu hồi, quản lý, khai thác, xử lý nợ và tài sản, chiết khấu cho khách nợ để thu hồi nợ nhanh, chi phí định giá, đấu giá và các chi phí khác có liên quan.

2. Trích 10% số tiền thu hồi nợ, bán tài sản tiếp nhận để chuyển trả doanh nghiệp nhằm bù đắp các chi phí quản lý, giữ hộ tài sản, thu hộ nợ (trong trường hợp doanh nghiệp thu hộ được nợ).

Trường hợp đưa tài sản tiếp nhận vào khai thác (góp vốn cổ phần, liên doanh, liên kết; cho thuê) thì thanh toán chi phí giữ hộ tài sản theo thực tế kể từ ngày ký biên bản bàn giao nhưng không quá 10% giá trị thẩm định của tổ chức có chức năng thẩm định giá khi đưa tài sản vào khai thác.

3. Trường hợp thực hiện tiếp nhận, xử lý nợ và tài sản theo chỉ định của Thủ tướng Chính phủ mà nguồn thu không đủ để bù đắp chi phí, Công ty Mua bán nợ sử dụng nguồn thu từ xử lý nợ và tài sản tiếp nhận từ các doanh nghiệp sắp xếp, chuyển đổi phải nộp về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp để bù đắp trên cơ sở phù hợp với ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

4. Số tiền còn lại nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp theo thời gian quy định tại Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp và Phát triển doanh nghiệp. Trường hợp số tiền phải nộp về Quỹ dưới 100 triệu đồng theo từng lần phát sinh, Công ty Mua bán nợ tập hợp và nộp về Quỹ theo tháng (nộp trước ngày 05 (năm) của tháng tiếp theo).

5. Đối với tiền thu từ thu hồi nợ, bán tài sản tiếp nhận Công ty Mua bán nợ nhận được trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành thì thực hiện mức trích để lại cho Công ty Mua bán nợ là 20%, không thực hiện điều chỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Thông tư này.

Điều 10. Xử lý tiền thu từ thu hồi, xử lý nợ và tài sản trước khi bàn giao cho Công ty Mua Bán nợ

1. Đối với tiền thu từ thu hồi nợ và xử lý tài sản trước khi bàn giao cho Công ty Mua bán nợ, doanh nghiệp có trách nhiệm nộp về Công ty Mua bán nợ trong thời gian 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày thu được tiền. Trường hợp chậm nộp về Công ty Mua bán nợ, doanh nghiệp phải chịu thêm tiền lãi theo quy định sau:

a) Trường hợp chậm nộp trong vòng 03 tháng, tiền lãi tính theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm gần nhất với thời điểm chậm nộp cho số tiền và thời gian chậm nộp. Sau thời hạn 03 (ba) tháng, doanh nghiệp phải chịu thêm tiền lãi tính theo lãi suất tiền vay quá hạn cho số tiền chậm nộp của thời gian quá hạn sau 03 (ba) tháng được xác định bằng 150% mức lãi suất tính toán đối với trường hợp chậm nộp trong vòng 03 tháng.

b) Tiền phạt chậm nộp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này không được tính vào chi phí hợp lý khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp; doanh nghiệp chỉ được dùng nguồn lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để bù

đáp sau khi trừ đi các khoản bồi thường của các tập thể, cá nhân có liên quan đến việc chậm nộp (nếu có).

2. Đối với tiền thu từ thu hồi nợ và xử lý tài sản trước khi bàn giao cho Công ty Mua bán nợ và trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thì hành, doanh nghiệp có trách nhiệm nộp về Công ty Mua bán nợ trong thời gian 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thì hành. Trường hợp chậm nộp, doanh nghiệp phải chịu thêm tiền lãi theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 11. Trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu

1. Chỉ đạo doanh nghiệp sắp xếp, chuyển đổi chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu và lập kế hoạch thực hiện bàn giao nợ, tài sản loại trừ.

2. Tổ chức thực hiện việc bàn giao nợ và tài sản loại trừ theo quy định tại Thông tư này cho Công ty Mua bán nợ.

3. Giám sát việc thực hiện quản lý nợ và tài sản loại trừ khi chưa bàn giao về Công ty Mua bán nợ.

4. Chủ trì xử lý các khoản nợ và tài sản loại trừ không thuộc diện bàn giao cho Công ty Mua bán nợ tiếp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này sau khi nhận được văn bản thông báo của Công ty Mua bán nợ.

5. Chủ trì xử lý trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân gây hư hỏng, mất mát tài sản loại trừ hoặc thanh lý, nhượng bán tài sản khi chưa được chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền quyết định giá trị doanh nghiệp và Công ty Mua bán nợ.

Điều 12. Trách nhiệm của doanh nghiệp

1. Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu liên quan, phân loại nợ và tài sản loại trừ để thực hiện bàn giao theo quy định tại thông tư và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các hồ sơ, tài liệu này.

2. Tiếp tục giữ hộ tài sản theo đề nghị của Công ty Mua bán nợ và thông báo công khai đến các cổ đông (trong trường hợp đã chính thức chuyển thành công ty cổ phần) về việc tiếp tục giữ hộ tài sản nhà nước. Tổ chức quản lý, bảo quản, không để xảy ra mất mát, thiếu hụt tài sản trong quá trình giữ hộ tài sản.

3. Phối hợp với Công ty Mua bán nợ trong việc xử lý nợ và tài sản đã bàn giao.

4. Thực hiện nộp tiền thu từ thu hồi, xử lý nợ và tài sản trước khi bàn giao cho Công ty Mua bán nợ. Trường hợp còn tồn đọng số phải nộp về Công ty Mua bán nợ theo quy định tại Thông tư này, doanh nghiệp thực hiện nộp về Công ty Mua bán nợ trong thời gian 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày ký Biên bản bàn giao.

Điều 13. Trách nhiệm của Công ty Mua bán nợ

1. Thực hiện tiếp nhận, xử lý nợ và tài sản loại trừ theo quy định tại Thông tư này. Phối hợp doanh nghiệp xây dựng kế hoạch tiếp nhận, xử lý tài sản tiếp nhận thuộc nhóm cần phá dỡ, hủy bỏ.

2. Đơn đốc doanh nghiệp thực hiện nộp tiền thu từ thu hồi, xử lý nợ và tài sản loại trừ trước khi bàn giao cho Công ty Mua bán nợ.

3. Thực hiện nộp tiền thu từ xử lý, thu hồi nợ và tái sản về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư này

4. Định kỳ hàng quý, Công ty Mua bán nợ báo cáo Bộ Tài chính kết quả tiếp nhận, xử lý nợ và tài sản loại trừ trước ngày 10 (mười) tháng đầu tiên của quý tiếp theo.

5. Thực hiện theo dõi, hạch toán nợ và tài sản tiếp nhận theo quy định tại Quy chế tài chính của Công ty.

Điều 14. Trách nhiệm của khách nợ

1. Phối hợp với đại diện chủ sở hữu, Công ty Mua bán nợ và doanh nghiệp thực hiện các thủ tục bàn giao các khoản nợ.

2. Thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty Mua bán nợ kể từ ngày ký Biên bản bàn giao.

3. Phối hợp với Công ty Mua bán nợ thực hiện các hình thức xử lý nợ phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật.

Chương IV HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 15. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2015 và thay thế Thông tư số 38/2006/TT-BTC ngày 10 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn trình tự, thủ tục và xử lý tài chính đối với hoạt động bàn giao, tiếp nhận, xử lý nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết./.

Nơi nhận: *M&M*

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí Thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Ban chỉ đạo TW về phòng chống tham nhũng;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan TW các đoàn thể;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Sở Tài chính, Cục Thuế, Kho bạc Nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Tập đoàn kinh tế;
- Các Tổng công ty nhà nước;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Cục TCDN.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Văn Hiếu

Phụ lục
Mẫu Biên bản bàn giao trên sổ sách nợ và tài sản loại trừ
(Kèm theo Thông tư số 57/2015/TT-BTC ngày 24/04/2015 của Bộ Tài chính)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO TRÊN SỔ SÁCH CÁC KHOẢN NỢ
VÀ TÀI SẢN LOẠI TRỪ KHÔNG TÍNH VÀO GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP
Công ty

- Căn cứ quyết định số 109/2003/QĐ-TTg ngày 5/6/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Công ty mua, bán nợ tài sản tồn đọng của doanh nghiệp;
- Căn cứ Thông tư số 57/2015/TT-BTC ngày 24/04/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn bàn giao, tiếp nhận, xử lý các khoản nợ và tài sản loại trừ khi sắp xếp, chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% Vốn điều lệ;
- Căn cứ Thông tư số 79/2011/TT-BTC ngày 8/6/2011 của Bộ Tài chính Ban hành điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Mua bán nợ Việt Nam;
- Căn cứ Quyết định số ngày ... của Bộ/UBND công bố giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá Công ty...;
- Căn cứ Công văn số ... ngày ... của Bộ/UBND/TCT uỷ quyền thực hiện bàn giao tài sản và công nợ loại trừ khi cổ phần hoá các doanh nghiệp nhà nước;
- Căn cứ báo cáo tổng hợp và các bảng thống kê chi tiết, đánh giá, phân loại tài sản loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp của Công ty

Hôm nay, ngày.... tháng.....năm.....chúng tôi gồm :

BÊN GIAO TÀI SẢN :

1. Đại diện chủ sở hữu tài sản : Bộ/UBND

Địa chỉ :

Điện thoại :

Do Ông/Bà : Chức vụ :làm đại diện

2. Đại diện người giữ hộ tài sản : Công ty ...

Địa chỉ :

Điện thoại :

Tài khoản số:

Mở tại:

Do Ông/Bà : Chức vụ :làm đại diện

BÊN NHẬN TÀI SẢN: Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam

Địa chỉ :

Điện thoại :

Fax :

Tài khoản số:

Mở tại:.

Mã số thuế : 0101431355

Do Ông/Bà:Chức vụ :... làm đại diện

Hai bên thực hiện bàn giao các khoản nợ và tài sản loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp theo số liệu ghi trên sổ sách kế toán khi thực hiện sắp xếp, cổ phần hoá của Công ty, như sau:

A. NỘI DUNG BÀN GIAO:

1. Tổng giá trị tài sản và nợ phải thu tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp:

a - Tài sản:

- Nguyên giá

- Giá trị còn lại:

b - Nợ phải thu:

- Giá trị tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp

2. Tổng giá trị tài sản và nợ phải thu đã xử lý đến thời điểm bàn giao

a - Tài sản:

- Nguyên giá

- Giá trị còn lại:

- Giá trị thực tế thu hồi:

b - Nợ phải thu:

- Giá trị thực tế thu hồi:

3. Tổng giá trị tài sản và nợ phải thu bàn giao theo sổ sách:

a - Tài sản:

- Nguyên giá

- Giá trị còn lại:

b - Nợ phải thu:

- Giá trị tại thời điểm bàn giao

(Số liệu chi tiết tại Mẫu 1, 2, 3, 4, 5 kèm theo)

B. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

I. Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam

- Tổ chức thu hồi, xử lý nợ, tài sản thuộc diện bàn giao theo đúng chế độ quy định của Nhà nước.

- Trích 10% số tiền thu hồi nợ, bán tài sản để chuyển trả doanh nghiệp giữ hộ tài sản để bù đắp các chi phí quản lý, giữ hộ, phối hợp xử lý tài sản theo quy định.

- Có văn bản thông báo với đại diện chủ sở hữu và doanh nghiệp lý do không tiếp nhận đối với các tài sản không có hiện vật, nợ không có đầy đủ hồ sơ (nếu có).

- Các trách nhiệm khác theo quy định

II. Công ty

- Tiếp tục giữ hộ tài sản theo yêu cầu của Công ty Mua bán nợ và thông báo công khai đến các cổ đông (trong trường hợp đã chính thức chuyển thành công ty cổ phần) về việc tiếp tục giữ hộ tài sản nhà nước.

- Tổ chức quản lý, bảo quản, không để xảy ra mất mát, thiếu hụt tài sản trong quá trình giữ hộ tài sản. Chịu trách nhiệm bồi thường đối với tài sản mất mát thiếu hụt theo quy định tại Thông tư số 57/2015/TT-BTC ngày 24/04/2015 của Bộ Tài chính.

- Phối hợp với Công ty Mua bán nợ trong việc thu hồi, xử lý nợ và tài sản đã bàn giao

- Nộp tiền thu từ thu hồi, xử lý nợ và tài sản trước khi bàn giao cho Công ty Mua bán nợ. Trường hợp còn tồn đọng số phải nộp về Công ty Mua bán nợ theo quy định, doanh nghiệp thực hiện nộp về Công ty Mua bán nợ trong thời gian 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày ký Biên bản bàn giao.

- Các trách nhiệm khác theo quy định

III. Đại diện Chủ sở hữu

- Chỉ đạo Công ty ... thực hiện trách nhiệm đã được quy định tại điểm B, mục II nói trên.

- Phối hợp với Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam trong quá trình xử lý nợ và tài sản.

- Chủ trì xử lý các khoản nợ và tài sản loại trừ không thuộc diện bàn giao cho Công ty Mua bán nợ tiếp nhận theo quy định tại Thông tư số 57/2015/TT-BTC ngày 24/04/2015 của Bộ Tài chính sau khi nhận được văn bản thông báo của Công ty Mua bán nợ.

- Chủ trì xử lý trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân gây hư hỏng, mất mát tài sản loại trừ hoặc thanh lý, nhượng bán tài sản khi chưa được chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền quyết định giá trị doanh nghiệp và Công ty Mua bán nợ.

- Các trách nhiệm khác theo quy định

Biên bản bàn giao được lập gồm 07 bản có giá trị pháp lý ngang nhau: bên nhận giữ 03 bản, doanh nghiệp giữ hộ giữ 02 bản, 01 bản gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu, 01 bản gửi cơ quan quyết định giá trị doanh nghiệp để báo cáo.

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO
ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU CTY...

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
CÔNG TY TNHH MUA BÁN NỢ
VIỆT NAM

BẢNG TỔNG HỢP THỐNG KÊ VÀ PHÂN LOẠI TÀI SẢN
LOẠI TRỪ KHÔNG TÍNH VÀO GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP ĐỂ BÀN GIAO
 Tại thời điểm ngày ...tháng ... năm ...
 Của Công ty

Đơn vị tính : đồng

Chi tiêu	Giá trị tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp		Giá trị tài sản không còn hiện vật		Giá trị đã xử lý đến thời điểm bàn giao			Giá trị bàn giao theo sổ sách		Ghi chú
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	GT thực tế thu hồi	Nguyên giá	Giá trị còn lại	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
A. Tài sản không cần dùng										
I. Tài sản cố định										
II. Tài sản lưu động										
1. Nợ phải thu khó đòi										
2. Vật tư hàng hoá, công cụ dụng cụ tồn kho										
B. Tài sản chờ thanh lý										
I. Tài sản cố định										
II. Tài sản lưu động (Vật tư hàng hoá, công cụ dụng cụ tồn kho)										
Tổng cộng										

Ghi chú :

- Cột 2, cột 3 ghi giá trị tài sản loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp đã được phê duyệt tại Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp của cơ quan có thẩm quyền
- Cột 4, cột 5 ghi giá trị tài sản bị thiếu hụt, mất mát trước thời điểm bàn giao
- Cột 6, cột 7 ghi giá trị tài sản đã xử lý bán, điều chuyển ...theo chế độ Nhà nước quy định từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp tới thời điểm bàn giao; cột 8 ghi giá trị thực tế thu hồi do xử lý tài sản.
- Cột 9, cột 10 ghi giá trị tài sản thuộc diện phải chuyển giao theo quy định hiện hành.
- Cột 11 ghi chú

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

**BẢNG KÊ CHI TIẾT VÀ PHÂN LOẠI TÀI SẢN CỐ ĐỊNH
LOẠI TRỪ KHÔNG TÍNH VÀO GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP ĐỂ BÀN GIAO**
Tại thời điểm ngày ...tháng ... năm ...
Của Công ty

Đơn vị tính : đồng

TT	Tên và ký hiệu tài sản	Giá trị tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp							Tài sản không còn hiện vật		Giá trị đã xử lý đến thời điểm bàn giao			Giá trị bàn giao theo sổ sách		Chú
		Đơn vị tính	Số lượng	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị sổ sách đã xử lý		GT thực tế thu hồi	Nguyên giá	Giá trị còn lại		
										Nguyên giá	Giá trị còn lại					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I	Tài sản không cần dùng															
1	Nhà cửa VKT															
2	Máy móc thiết bị															
3	Phương tiện vận tải															
4	Thiết bị dụng cụ quản lý															
II	Tài sản chờ thanh lý															
1	Nhà cửa VKT															
2	Máy móc thiết bị															
3	Phương tiện vận tải															
4	Thiết bị dụng cụ quản lý															
	Tổng cộng															

Ghi chú :

- Đối với tài sản cố định là nhà cửa vật kiến trúc, Cột 6 ghi Năm hoàn thành, Cột 7 ghi Năm đưa vào sử dụng
- Cột 8, cột 9 ghi giá trị tài sản tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.
- Cột 10, cột 11 ghi giá trị tài sản không còn hiện vật tại thời điểm bàn giao
- Cột 12, cột 13 ghi giá trị tài sản đã xử lý tới thời điểm bàn giao, cột 14 ghi giá trị thực tế thu hồi của tài sản
- Cột 15, 16 ghi giá trị tài sản còn hiện vật thuộc diện bàn giao cho Công ty mua, bán nợ
- Cột 17 ghi chú nơi để tài sản và các vấn đề khác

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

**BẢNG KÊ CHI TIẾT VÀ PHÂN LOẠI VẬT TƯ, HÀNG HÓA,
CÔNG CỤ DỤNG CỤ LOẠI TRỪ BÀN GIAO CHO CÔNG TY MUA BÁN NỢ**
Tại thời điểm ngày ...tháng ... năm ...
Của Công ty

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách sản phẩm	Giá trị tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp							Tài sản không còn hiện vật		Giá trị đã xử lý đến thời điểm bàn giao		Giá trị bàn giao theo sổ sách		Ghi chú	
		Đơn vị tính	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Năm mua nhập kho	Số lượng	Đơn giá	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Giá trị sổ sách đã xử lý		GT thực tế thu hồi	Số lượng		Giá trị
											Số lượng	Giá trị				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I	Tài sản không cần dùng															
1	Nguyên vật liệu tồn kho															
2	Công cụ dụng cụ tồn kho															
3	Thành phẩm tồn kho															
4	Hàng hoá tồn kho															
II	Tài sản chờ thanh lý															
1	Nguyên vật liệu tồn kho															
2	Công cụ dụng cụ tồn kho															
3	Thành phẩm tồn kho															
4	Hàng hoá tồn kho															
	Tổng cộng															

Ghi chú :

- Cột 7,8, 9 ghi số lượng, đơn giá, giá trị tài sản tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp
- Cột 10, 11 ghi số lượng, giá trị tài sản không còn hiện vật tại thời điểm bàn giao
- Cột 12, 13 ghi số lượng, giá trị tài sản đã xử lý theo chế độ từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp tới thời điểm bàn giao, cột 14 ghi giá trị thu hồi
- Cột 15,16 ghi giá trị tài sản thuộc diện bàn giao cho Công ty mua, bán nợ
- Cột 17 ghi chủ nơi để tài sản và các vấn đề khác

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

TÊN ĐƠN VỊ : CÔNG TY

Mẫu 04/BBG/NPT

**BẢNG KÊ CHI TIẾT VÀ PHÂN LOẠI NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI
LOẠI TRỪ BÀN GIAO CHO CÔNG TY MUA BÁN NỢ**

Tại thời điểm ngày ...tháng ... năm ...

Của Công ty

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên khách nợ	Địa chỉ khách nợ	Thời gian phát sinh	Thời gian quá hạn	Giá trị khoản nợ tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp	Giá trị khoản nợ đã xử lý thu hồi đến thời điểm bàn giao	Giá trị khoản nợ không thuộc diện bàn giao do không có đầy đủ hồ sơ	Giá trị khoản nợ có đầy đủ hồ sơ bàn giao theo sổ sách		Ghi chú
								Khách nợ còn tồn tại	Khách nợ không còn tồn tại	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										Kèm theo bản thuyết minh, giải trình về việc phát sinh và quá trình thu hồi khoản nợ
2										
3										
...										
...										
	Tổng cộng									

NGƯỜI LẬP BIỂU
(ký, ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(ký, ghi rõ họ tên)

..... Ngày.... Tháng....năm...
GIÁM ĐỐC CÔNG TY
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

DANH MỤC HỒ SƠ NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI LOẠI TRỪ BÀN GIAO CHO CÔNG TY MUA BÁN NỢ*(Theo nguyên trạng toàn bộ hồ sơ tài liệu liên quan đến các khoản nợ để bàn giao, ghi rõ bản chính hay bản sao)*

STT	Tên, nội dung trích yếu	Số	Ngày	Hồ sơ bàn giao		Ghi chú
				Bản gốc	Bản sao	
1	Khách nợ A					
1.1	Biên bản đối chiếu, xác nhận nợ					
1.2	Hợp đồng kinh tế, kế ước vay nợ...					
...					
...					
...	Các văn bản liên quan khác					
2	Khách nợ B					
2.1	Biên bản đối chiếu, xác nhận nợ					
2.2	Hợp đồng kinh tế, kế ước vay nợ...					
...					
...					
...	Các văn bản liên quan khác					
3					
...					
...					

LẬP BIỂU*(ký, ghi rõ họ tên)***KẾ TOÁN TRƯỞNG***(ký, ghi rõ họ tên)**..... Ngày.... Tháng....năm...***GIÁM ĐỐC CÔNG TY***(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*